

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 35/2017/HSST

Ngày 31-10-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tín.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Quyền

2. Ông Y Mung Niê

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Phan Quang T, sinh 1988, tại tỉnh Hà Tĩnh; ĐKKHKT: Xóm A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở: Không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phan Văn T và bà Đặng Thị H (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Phan Thị Thùy T, sinh năm 1989, chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; bị cáo có 01 con sinh năm 2015.

Tiền sự: 01 tiền sự.

Ngày 20/7/2016 bị Công an huyện Đức C, tỉnh Gia L xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích.

Tiền án: Có 02 tiền án:

- Tại bản án số 15/2008/HSST ngày 25/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt bị cáo 08 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, ngày 11/3/2009 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

- Bản án phúc thẩm số 254/2011/HSPT ngày 09/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội *Trộm cắp tài sản*, ngày 18/01/2013 bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Ngày 20/12/2015 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Bị cáo ra đầu thú và bị bắt tạm giữ từ ngày 22/4/2016, hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo Lệnh trích xuất số 5519LTX, ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an - Có mặt.

Người bị hại:

1. Chị Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1984, trú tại thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

2. Anh Lê Văn P, sinh năm 1979, trú tại thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1989, trú tại thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1966, trú tại thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn X, sinh năm 1968, trú tại thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người làm chứng: Chị Võ Thị Bích N, sinh năm 1984, trú tại thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Quang T thuê phòng trọ gần nhà của anh Lê Văn P tại thôn 1, xã P, huyện K. Khoảng 17 giờ ngày 05/5/2014, T đến nhà của anh P mượn chiếc xe mô tô loại Wave, biển kiểm soát 47U1- 035.64 để đi mượn tiền trả nợ thì anh P đồng ý. Do trời tối và đèn xe mờ nên T quay lại nhà anh P để mượn xe mô tô đèn sáng hơn để tiếp tục đi, khi quay lại T gặp chị Võ Thị Ngọc Y (vợ của anh P) nên T nói với chị Y cho T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (Sirius), biển kiểm soát 47U1- 019.21 thì chị Y đồng ý. T lấy chiếc xe mô tô này để đi mượn tiền nhưng không được nên T nảy sinh ý định lấy chiếc xe mô tô đi cầm cố để lấy tiền. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T gặp Nguyễn Duy V là bạn của T và nhờ V dẫn đi cầm cố chiếc xe này thì V đồng ý. V dẫn T đến nhà của ông Trần Văn X, khi gặp ông X thì giữa T và ông X thỏa thuận việc cầm cố chiếc xe với giá 10.000.000 đồng. Sau đó T giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1- 019.21, giấy chứng nhận đăng ký mang tên Lê Văn P cho ông X còn ông X giao số tiền 10.000.000 đồng cho T.

Sau khi cầm cố xong V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA (Air Blade), biển kiểm soát 47U1- 025.39 (Xe mô tô này của bà Nguyễn Thị Bích N là mẹ ruột của V) chở T đi về, trên đường về V chở T ghé vào quán cà phê để V nói chuyện với bạn, được một lúc thì T hỏi mượn chiếc xe của V để tiếp tục đi mượn tiền, V đồng ý và giao chìa khóa xe cho T đi gặp bạn để hỏi mượn tiền nhưng không có. Do có quen biết một số người bạn trên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên T điều khiển xe mô tô của V đi thành phố B để hỏi mượn tiền nhưng cũng không mượn được tiền, lúc này T nảy sinh ý định đem cầm cố chiếc xe mô tô của V để lấy tiền. Đến sáng ngày 06/5/2014, T điều khiển xe mô tô này về tỉnh Bình Dương rồi cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1- 025.39 cùng với giấy đăng ký xe cho một tiệm cầm đồ (không xác định được địa chỉ) tại tỉnh Bình Dương lấy số tiền 15.000.000 đồng, sau khi có tiền T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, T bỏ trốn lên tỉnh Gia Lai, đến ngày 20/12/2015, phạm tội Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù và đang thi hành án tại trại giam G thuộc tỉnh Gia Lai.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (Sirius), màu sơn đen- trắng, số máy 5C64977088, số khung C640CY977068, biển kiểm soát 47U1 - 019.21; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002397; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm đều mang tên Lê Văn P; 01 tờ giấy vợ học sinh có ghi nội dung là T xin lỗi anh P và V; 01 tờ giấy mượn tiền.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (Sirius), số máy 5C64977088, số khung C640CY977068, biển kiểm soát 47U1- 019.21; 01 giấy chứng đăng ký xe mô tô, xe máy số 002397; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Lê Văn P là chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA (Air Blade), số máy JF46E4127928, số khung RLHJF4606DY270164, biển kiểm soát 47U1- 025.39, bị can Phan Quang T khai, sau khi mượn chiếc xe của Nguyễn Duy V, Tâm đem đi cầm cố cho một tiệm cầm đồ tại tỉnh Bình Dương (không xác định được địa chỉ), nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 10/6/2014 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện K kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA trị giá 20.995.000 đồng (*Hai mươi triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 10/6/2014 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện K kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA trị giá 31.200.000 đồng (*Ba mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 33/KSĐT-HS ngày 11/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố Phan Quang Tâm về tội “*Lạm dụng tín nhiệm*

chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phan Quang T về tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* theo điểm d, đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 140; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo: Phan Quang T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016/HSST ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo Phan Quang T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Buộc bị cáo Phan Quang T phải trả lại cho ông Trần Văn X số tiền là 10.000.000 đồng, đây là số tiền do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô của anh Lê Văn P cho ông X mà có, vì khi nhận cầm cố chiếc xe cho bị cáo thì ông X không biết đây là tài sản do bị can phạm tội mà có.

+ Đối với nguyên đơn dân sự bà Nguyễn Thị Bích N, tại phiên tòa bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1-025.39 và người bị hại anh Lê Văn P, chị Võ Thị Ngọc Y không có yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên không đề cập để xử lý.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (Sirius), số máy 5C64977088, số khung C640CY977068, biển kiểm soát 47U1- 019.21; 01 giấy chứng đăng ký xe mô tô, xe máy số 002397; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Lê Văn P là chủ sở hữu.

+ Truy thu của bị cáo số tiền 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước, vì đây là số tiền do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô của bà Nguyễn Thị Bích N mà có.

Đối với Nguyễn Duy V là người dẫn bị cáo đi cầm cố xe và ông Trần Văn X là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1 – 01921 nhưng V và

ông X không biết chiếc xe này do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không xử lý là phù hợp.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với phần luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự bà Nguyễn Thị Bích N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn X không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Phan Quang T trong ngày 05 tháng 5 năm 2014 đã lợi dụng quan hệ quen biết, sự tin tưởng để mượn chiếc xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (Sirius), biển kiểm soát 47U1- 019.21 của anh P, chị Y có giá trị 20.995.000 đồng và mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1- 025.39 của bà N (giao cho anh V sử dụng) có giá trị 31.200.00 đồng, để làm phương tiện đi mượn tiền nhưng đã nay sinh ý định chiếm đoạt và đem hai chiếc xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái quy định của pháp luật hình sự, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong điều kiện hoàn toàn đủ khả năng nhận thức về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hậu quả xảy ra nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Xét quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Buk là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phan Quang T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự

Khoản 1 và điểm d, đ khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án

tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

đ) Tái phạm nguy hiểm;

Xét hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử nhận thấy, tổng giá trị hai chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt là 52.195.000 đồng, bị cáo có hai tiền án chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân, nên bị cáo phạm tội với hai tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là *chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng* và thuộc trường hợp *tái phạm nguy hiểm* được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và để đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Duy V là người dẫn bị cáo đi cầm cố xe và ông Trần Văn X là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1 – 01921 nhưng V và ông X không biết chiếc xe này do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không xử lý là phù hợp, cần chấp nhận.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016/HSST ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án nêu trên nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Tại phiên tòa ông Trần Văn X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 10.000.000 đồng, đây là số tiền do bị cáo cầm cố

chiếc xe mô tô của anh Lê Văn P cho ông X mà có, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự cần buộc bị cáo Phan Quang T phải trả lại cho ông Trần Văn X số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

+ Đối với nguyên đơn dân sự bà Nguyễn Thị Bích N, tại phiên tòa bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1-025.39 và người bị hại anh Lê Văn P trong quá trình điều tra không có yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (Sirius), số máy 5C64977088, số khung C640CY977068, biển kiểm soát 47U1- 019.21; 01 giấy chứng đăng ký xe mô tô, xe máy số 002397; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Lê Văn P là chủ sở hữu.

+ Cần truy thu của bị cáo số tiền 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước, vì đây là số tiền do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô của bà Nguyễn Thị Bích N mà có.

Về án phí: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phan Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Quang T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Phan Quang T 03 năm tù; Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016/HSST ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo Phan Quang T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 22/4/2016.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Buộc bị cáo Phan Quang T phải trả lại cho ông Trần Văn X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

(Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

+ Nguyên đơn dân sự bà Nguyễn Thị Bích N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1-025.39 và người bị hại anh Lê Văn P không có yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (Sirius), số máy 5C64977088, số khung C640CY977068, biển kiểm soát 47U1- 019.21; 01 giấy chứng đăng ký xe mô tô, xe máy số 002397; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Lê Văn P là chủ sở hữu.

+ Tuyên truy thu của bị cáo số tiền 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước, vì đây là số tiền do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô của bà Nguyễn Thị Bích N mà có.

3. Về án phí: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Phan Quang T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại anh Lê Văn P và anh Nguyễn Duy V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- CA huyện K;
- THAHS, THADS;
- Bị cáo;
- Các đương sự;;
- Lưu HS – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tín